

Bản án số: 29/2017/DSST

Ngày: 08/12/2017

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Bà: Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “ Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản” thụ lý số: 134/2017/ DSST ngày 15 tháng 8 năm 2017, theo quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 134/2017/QĐST - DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: N

Địa chỉ: CC5 Bán đảo L, quận Hoàng Mai, T.p Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị H; sinh năm 1965; chức vụ:
Giám đốc phòng giao dịch huyện Bù Đăng; theo văn bản ủy quyền số 645/NHCS
ngày 03/7/2017. (có mặt)

Địa chỉ: khu Đức Lập, thị trấn Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Chị Triệu Thị T; sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2017 và trong quá trình xét xử đại diện
theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:* Vào ngày 20/3/2012 anh
Đăng Đình B là cH của chị Triệu Thị T, đại diện cho hộ gia đình vay vốn tại N –
phòng giao dịch huyện Bù Đăng, với số tiền là 30.000.000đ, lãi suất 0,65%/
tháng nếu quá hạn là 0,845%/ tháng, thời hạn vay là 03 năm, thuộc chương trình
cho vay hộ nghèo, hình thức vay tín chấp. Đến hạn trả nợ hộ gia đình anh B, chị

T không trả gốc mà chỉ trả số tiền lãi trong hạn; ngân hàng gia hạn thêm 01 năm đến ngày 10/3/2016 phải trả; ngày 10/8/2015 anh B trả được số tiền gốc là 4.402.000đ; đến hạn không trả được; ngân hàng lại tiếp tục gia hạn đến ngày 10/7/2016 nhưng đến nay hộ gia đình anh B cũng chưa trả được số tiền gốc còn lại và lãi suất từ ngày 10/3/2015 đến nay, ngày 20/7/2016 thì anh B chết. Nay, Ngân hàng yêu cầu chị T là vợ anh B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền đã vay còn lại là 25.598.000đ và lãi suất trong hạn từ ngày 10/3/2015 đến ngày 10/7/2016 là 1.857.987đ; lãi suất quá hạn từ ngày 10/7/2016 đến nay là: 3.720.413đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 31.176.400đ. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm. Phía đại diện nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: Sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi vay vốn, giấy đề nghị vay vốn (tất cả là bản photo)

** Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Triệu Thị T trình bày:* Quan hệ giữa chị với anh Đặng Đình B là vợ chồng, anh B mất ngày 20/7/2016. Chị thừa nhận ngày 20/3/2012 anh Đặng Đình B có vay vốn tại N – phòng giao dịch huyện Bù Đăng, với số tiền là 30.000.000đ, lãi suất 0,65%/tháng nếu quá hạn là 0,845%/ tháng, thời hạn vay là 03 năm, thuộc chương trình cho vay hộ nghèo, hình thức vay tín chấp. Đến hạn trả nợ do khó khăn nên không có tiền trả mà chỉ trả được tiền lãi trong hạn, phía ngân hàng đã gia hạn trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng cũng không trả được; ngày 10/8/2015 trả được số tiền gốc là 4.402.000đ; Nay, Ngân hàng yêu cầu trả số nợ gốc còn lại là 25.598.000đ và lãi suất trong hạn, quá hạn từ ngày 10/3/2015 đến nay là: 5.578.400đ chị T đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của chị hiện nay quá khó khăn nên chưa thể trả ngay được. Phía bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: trích lục giấy chứng tử của anh B, sổ hộ khẩu gia đình (bản photo), ngoài ra không cung cấp gì thêm.

*** Đại diện Viện kiểm sát huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T trả số tiền gốc là 25.598.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH Việt Nam yêu cầu chị T trả số tiền mà anh B chồng chị đã vay tại Ngân hàng, tính đến nay cả gốc và lãi là 31.176.400đ.

Xem xét các tài liệu, chứng cứ do đại diện nguyên đơn, bị đơn cung cấp cùng lời khai của các đương sự xác định được: Ngày 20/3/2012 anh Đặng Đình B (Đặng Văn B) là cH của chị Triệu Thị T vay vốn tại N – phòng giao dịch huyện Bù Đăng, với số tiền là 30.000.000đ, lãi suất 0,65%/ tháng; lãi quá hạn là 0,845%/ tháng, thời hạn vay là 03 năm, thuộc chương trình cho vay hộ nghèo, hình thức vay tín chấp. Đến hạn trả nợ hộ gia đình anh B, chị T không trả gốc mà chỉ trả số tiền lãi trong hạn; Ngân hàng gia hạn nhiều lần; ngày 10/8/2015 anh B trả được số tiền gốc là 4.402.000đ; Ngân hàng gia hạn cuối cùng đến ngày 10/7/2016 phải trả, nhưng đến nay hộ gia đình anh B cũng chưa trả được số tiền gốc còn lại và lãi suất từ ngày 10/3/2015 đến nay, ngày 20/7/2016 thì anh B chết.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 474 BLDS năm 2005 quy định “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....*”. Do anh B đã chết, chị T là vợ anh B; về nghĩa vụ tham gia tố tụng cũng như nghĩa vụ trả nợ; đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 74 BLTTDS quy định “ *... cá nhân tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng*”. Điều 637 BLDS quy định “ *Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản....*”.

Như vậy, có đủ căn cứ để buộc chị T phải có trách nhiệm trả cho N- Phòng giao dịch huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước số tiền gốc còn lại là 25.598.000đ và 5.578.400đ tiền lãi. Tổng cộng 31.176.400đ.

[2] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải nộp tiền án phí theo luật định.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 637 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 74, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc chị Triệu Thị T có trách nhiệm trả cho N – Phòng giao dịch huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước số tiền là 31.176.400đ (Ba mươi một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm đồng).

[2] Về án phí: Buộc chị Triệu Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.559.000đ.

[3] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thùy Linh